

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 373/2020/HS-PT

Ngày 02 - 6 - 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Quang

Các Thẩm phán: Ông Phạm Năng Thanh

Bà Đặng Thị Thanh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 288/2020/HSPT ngày 27 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Thị L do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 18/2020/HSST ngày 20/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện S, thành phố Hà Nội.

Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Thị L (tên gọi khác R), sinh năm 1958 tại Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay thôn Thái Phù, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp làm ruộng; trình độ học vấn 7/10; dân tộc Kinh; giới tính nữ; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Đình Kh và bà Hồ Thị H; có chồng là Nguyễn Văn Đ (đã chết) và 04 con (con lớn sinh năm 1976, con nhỏ sinh năm 1984); tiền án, tiền sự không; nhân thân Tại bản án số 128/HSST ngày 07/10/2008, Tòa án nhân dân huyện S, thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc” (đã được xóa án tích); Tại bản án số 27/HSST ngày

02/03/2011, Tòa án nhân dân huyện S, thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”, ngày 19/01/2012 ra trại (đã được xóa án tích); Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt tại phiên tòa.

Các bị cáo không kháng cáo:

1. Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1981;
2. Vũ Thị H, sinh năm 1986;
3. Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1975;
4. Đinh Văn H1, sinh năm 1992;
5. Nguyễn Thị Ch1 (tên gọi khác là Th), sinh năm 1977;
6. Nguyễn Thị L, sinh năm 1977;
7. Phạm Đức Q (tên gọi khác là D), sinh năm 1969;
8. Nguyễn Thị H2, sinh năm 1970;
9. Phạm Thị B (tên gọi khác là L), sinh năm 1984.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện S và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện S, Hà Nội thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21h phút ngày 18/11/2019, Đội Cảnh sát hình sự, Công an huyện S phối hợp với Công an xã M phát hiện bắt quả tang tại nhà Nguyễn Thị X có 10 đối tượng đánh bạc trái phép sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh 03 cây gồm: Nguyễn Thị Ngọc B, Vũ Thị H, Nguyễn Thị Ch, Đinh Văn H1, Nguyễn Thị Ch1 (Th), Nguyễn Thị L, Phạm Đức Q, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị L (R), Phạm Thị B (L). Thu giữ tại chiếu bạc số tiền là 7.830.000 đồng; 36 quân bài tú lơ khơ; 01 chăn màu hồng; thu giữ trên người Phạm Đức Q số tiền là 1.050.000 đồng.

Quá trình điều tra làm rõ: Bà Nguyễn Thị X (chủ nhà) ở địa phương sống một mình, mắc bệnh trầm cảm, thường xuyên đi lang thang không về nhà.

Khoảng 20h00 ngày 18/11/2019, trong khi bà X không có nhà, cửa cổng mở, Nguyễn Thị Ngọc B, Vũ Thị H, Nguyễn Thị Ch, Đinh Văn H1, Nguyễn Thị Ch1 (Thoa), Nguyễn Thị L, Phạm Đức Q, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị L (R), Phạm Thị B (Linh) đến nhà bà X đánh bạc bằng hình thức đánh 03 cây. Bộ bài tú lơ khơ và 01 chẵn để ngồi có sẵn ở bàn uống nước bên trong nhà bà X. Trước khi đánh bạc, các đối tượng cùng thống nhất cứ mỗi ván bài tổng cộng 3 cây được 10 điểm, người đó sẽ làm chương và chia bài cho mọi người tham gia chơi. Đến khoảng 21h cùng ngày, Cơ quan Công an ập vào bắt quả tang 10 đối tượng trên đang đánh bạc, thu giữ tại chiếu bạc số tiền là 7.830.000 đồng; 36 quân bài tú lơ khơ; 01 chẵn màu hồng; thu giữ trên người Phạm Đức Q số tiền là 1.050.000 đồng đều sử dụng để đánh bạc. Tổng số tiền chứng minh các đối tượng tham gia đánh bạc là 8.880.000 đồng (tám triệu, tám trăm, tám mươi nghìn đồng).

Quá trình điều tra, các bị cáo đã khai cụ thể về số tiền mang theo để đánh bạc. Bị cáo Nguyễn Thị L (tên gọi khác Rễ) mang theo số tiền 100.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc, khi bị bắt bị thua hết số tiền trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2020/HSST ngày 20/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện S, thành phố Hà Nội đã xét xử:

Tuyên bố bị cáo các Nguyễn Thị Ngọc B, Vũ Thị H, Nguyễn Thị L (R), Đinh Văn H1, Phạm Đức Q, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị L phạm tội “Đánh bạc”

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị L (tức R) 09 (chín)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/3/2020, bị cáo Nguyễn Thị L (R) có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo;

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ lời khai của bị cáo; lời khai của những người liên quan; biên bản thu giữ vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định xử phạt bị cáo 09 tháng tù là phù H.

Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo thấy: Bị cáo phạm tội có mức độ, sử dụng số tiền không lớn (100.000 đồng) để đánh bạc; nhân thân mặc dù có 02 tiền án nhưng đều đã được xóa án tích, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình khó khăn, chồng mất, hiện nay bị cáo là người duy nhất hương khói cho mẹ chồng là bà mẹ Việt Nam anh hùng; bị cáo có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng. Với tính chất mức độ hành vi phạm tội, hoàn cảnh của bị cáo, xét thấy việc cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng không gây nguy hại gì. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt 09 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm; giao bị cáo cho cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

Kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định nên H lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm; lời khai của những người liên quan; biên bản thu giữ tang vật và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 18/11/2019, tại nhà bà Nguyễn Thị X ở thôn Thái Phù, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội, Nguyễn Thị Ngọc B, Vũ Thị H, Nguyễn Thị Ch, Đinh Văn H1, Nguyễn Thị Ch1 (Thoa), Nguyễn Thị L, Phạm Đức Q, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị L (R) và Phạm Thị B (Linh) đã có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức “ba cây” được thua bằng tiền. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 8.880.000 đồng (tám triệu, tám trăm, tám mươi nghìn đồng). Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của bị cáo thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng, nếp sống văn minh, văn hóa, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an trên địa bàn Thủ đô. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, biết rõ việc đánh bạc dưới mọi hình thức đều bị Nhà nước nghiêm cấm, nhưng do hám lợi và ý thức coi thường pháp luật nên bị cáo vẫn cố ý phạm tội. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo 09 tháng tù là phù H. Tuy nhiên, xét bị cáo phạm tội có mức độ, sử dụng số tiền không lớn (100.000 đồng) để đánh bạc; nhân thân bị cáo mặc dù có 02 tiền án nhưng đều đã được xóa án tích; sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại cấp

phúc thẩm, bị cáo xuất trình tài liệu, theo đó bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, chồng mất, bản thân là người duy nhất hương khói cho mẹ chồng là “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”, bị cáo có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hoàn cảnh của bị cáo, xét thấy có thể cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội; việc cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội thì cũng không gây nguy hại gì cho xã hội. Do vậy, có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt 09 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo.

Về án phí: Bị cáo được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, xử:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị L (tức Rễ) 09 (Ch1)** tháng tù về tội “Đánh bạc” nH1 cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện S, Thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có

thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị L (tức R) không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 02/6/2020.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân thành phố Hà Nội
- VKSND huyện S, HN
- Công an huyện S, HN
- TAND huyện S, HN
- Chi cục THADS huyện S, HN
- Bị cáo;
- Lưu HSVA; VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Quang